

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 396/2020/HC-PT

Ngày: 17/11/2020

V/v: *kiếu kiện Quyết định hành chính*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân;

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Mai;

Ông Hoàng Văn Hạnh.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Nữ Quỳnh Trâm, Thư ký
Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thanh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 331/2020/TLPT-HC ngày 22 tháng 6 năm 2020 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*” do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2020/HC-ST ngày 05 tháng 05 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh S.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 8145/2020/QĐPT-HC ngày 03 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông K; địa chỉ: Thôn Lâm Hạ, xã Y, huyện L, tỉnh S. Hiện đang cư trú tại: Thôn K1, xã Đ, huyện L, tỉnh S; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Ông K2, luật sư Văn phòng Luật sư 118, đoàn luật sư thành phố Hà Nội; có mặt.

Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh S; địa chỉ: Đường K3, phường K4, thành phố S, tỉnh S;

Người đại diện theo pháp luật: Ông K5; chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh S; vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện, Chủ tịch UBND tỉnh S: Ông K6- Chuyên viên Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S; có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh S; địa chỉ: Thị trấn K7, huyện L, tỉnh S;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông K8, chuyên viên phòng Tài nguyên và môi trường huyện L, tỉnh S; vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ông V; địa chỉ: Xã Đ, huyện L, tỉnh S. Nơi cư trú: K9, K10, thôn K11 xã K12, huyện L, tỉnh S; có mặt.

- Bà N1; anh N2; chị N3. Cùng địa chỉ: Thôn K11, xã K12, huyện L, tỉnh S.

Người đại diện theo ủy quyền của bà N1; anh N2; chị N3 là ông K; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Người khởi kiện ông K trình bày: Nguồn gốc thửa đất số 19, tờ bản đồ số 79, diện tích 10.766m² tại thôn Y1, xã Y, huyện Huyện L, tỉnh S là do ông K tự khai phá khoảng năm 2005-2006, khi đó đất bỏ hoang không có người canh tác. Năm 2006, khi đi khai hoang ông K có báo qua chính quyền UBND xã Y. Sau đó UBND xã Y có hướng dẫn ông làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 16/7/2007, UBND huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông K với diện tích 10.766m² tờ bản đồ 79, thửa đất số 19 thôn Y1, xã Y, huyện Huyện L, tỉnh S.

Từ năm 2007 khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hàng năm gia đình ông vẫn thường xuyên cải tạo đất, san lấp mặt bằng. Cuối năm 2018 gia đình ông có trồng hơn 100 cây chuối, hàng năm vẫn được thu hoạch bán lá chuối.

Ngày 01/12/2018, ông nhận được Thông báo số 158/TB-UBND, ngày 30/12/2018 của UBND huyện L, tỉnh S về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông K. Sau khi nhận được thông báo ông mới được biết ông V là người viết đơn đề nghị yêu cầu UBND huyện L thu hồi giấy chứng nhận quyền sử đất. Ông V cho rằng ông K là người tranh chấp đất với ông H và UBND huyện L đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông K là trùng lên đất của ông V.

Ngày 06/12/2018, ông K làm đơn khiếu nại đến UBND huyện L, tỉnh S về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 01/02/2019, UBND huyện L ban hành quyết định số 437/QĐ-UBND, ngày 01/02/2019 về việc giải quyết khiếu nại (gọi tắt là quyết định 437) nhưng ông K không nhận được, đến khi Tòa án thụ lý giải quyết việc ông V khởi kiện ông đòi tranh chấp diện tích 1.440m² tại tờ bản đồ 79, thửa đất số 19

thôn Y1, xã Y, huyện Huyện L, tỉnh S, luật sư của ông sao chụp tài liệu, ông mới biết được Quyết định số 437 về việc giải quyết khiếu nại của ông.

Ngày 18/02/2019, ông K làm đơn khiếu nại quyết định số 437/QĐ-UBND, ngày 01/02/2019 của Chủ tịch UBND huyện L đến Chủ tịch UBND tỉnh S. Ngày 16/8/2019, Chủ tịch UBND tỉnh S ban hành Quyết định số 1570/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại. Không đồng ý với Quyết định số 1570/QĐ-UBND, ngày 16/8/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh S, ngày 02/12/2019, ông K làm đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân tỉnh S, nội dung đơn ông yêu cầu hủy Quyết định số 1570/QĐ-UBND, ngày 16/8/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh S về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông K.

Ông K cho rằng lý do Chủ tịch UBND huyện L và Chủ tịch UBND tỉnh S ban hành Quyết định 1570/QĐ-UBND, ngày 16/8/2019 về việc giải quyết đơn khiếu nại là vì gia đình ông K không đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận, đất cấp không đúng đối tượng và không đúng diện tích, phần diện tích đất được cấp có phần đất cấp trùng vào diện tích đất của ông V được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2000. Nhưng thực tế diện tích đất 10.766m² tờ bản đồ 79, thửa đất số 19 thôn Y1, xã Y, huyện Huyện L, tỉnh S gia đình ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không trùng lên đất của ông V vì ông xác định đất của gia đình ông với ông V cách xa nhau khoảng 100m nên không thể có việc UBND huyện cấp trùng được.

Việc ông V khởi kiện ông đòi lại diện tích 1440m² tại tờ bản đồ 79, thửa đất số 19 thôn Y1, xã Y, huyện Huyện L, tỉnh S thì Tòa án nhân dân huyện L đã tiến hành đi xem xét thẩm định tại chỗ khu đất tranh chấp, xác định đất của ông không trùng lẫn lên đất của ông V và bác đơn khởi kiện của ông V. Như vậy không có việc đất của ông trùng lên đất của ông H. Sau đó ông V kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh S đến khoảng cuối năm 2019 thì Tòa án nhân dân tỉnh S đã xử hủy Bản án dân sự sơ thẩm của TAND huyện L với lý do thiếu người tham gia tố tụng là vợ con của ông V, hiện nay vụ án đang được TAND huyện L thụ lý giải quyết lại.

Ông K khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh S hủy Quyết định số 1570/QĐ-UBND ngày 16/8/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh S về việc giải quyết đơn khiếu nại.

Quá trình giải quyết vụ án, người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh S trình bày:

Ngày 16/7/2007, UBND huyện L đã ban hành Quyết định số 1650/QĐ-UBND về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong đó cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 19, tờ bản đồ 79 xã Y, huyện L, tỉnh S diện tích 10.766m² cho hộ ông K. Thửa đất trên được đo tách từ thửa đất số 18, tờ bản đồ 79, bản đồ địa chính xã Y và thửa đất số 01, tờ bản đồ số 82, bản đồ địa chính xã Y. Năm 2006, khi thực hiện cấp Giấy CNQSD đất cho hộ ông

K, văn phòng đăng ký đất đai huyện L (nay là chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện L) thực hiện đo đạc, lập bản trích đo địa chính khu đất theo ranh giới đất do ông K chỉ dẫn trên thực địa và lấy số hiệu thửa đất mới sau đo đạc là thửa đất số 19, tờ bản đồ 79, bản đồ địa chính xã Y, huyện L, tỉnh S.

Kiểm tra hồ sơ cấp Giấy CNQSD đất cho hộ ông K cho thấy: Đơn xin cấp Giấy CNQSD đất đề ngày 10/4/2007; biên bản xác định ranh giới mốc giới thửa đất lập ngày 27/4/2007 (Kèm theo sơ họa mốc giới thửa đất); trích đo bản đồ địa chính khu đất do văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện L lập ngày 27/4/2007. Tại đơn xin cấp Giấy CNQSD đất ngày 10/4/2007 của ông K, UBND xã Y xác nhận: “*Nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất: Khai phá sử dụng, tình trạng tranh chấp, khiếu nại về đất đai là không có, phù hợp với quy hoạch.* Đối chiếu với quy định tại khoản 2 Điều 135 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật đất đai thì đơn xin cấp Giấy CNQSD đất của ông K chưa được UBND xã Y xác nhận về thời điểm sử dụng đất.

Sơ họa mốc giới thửa đất thể hiện phía nam: Đất ao, tranh chấp, tuy nhiên biên bản xác định ranh giới mốc giới thửa đất lập ngày 17/4/2007 không có ý kiến của các chủ sử dụng đất liền kề để xác định ranh giới mốc giới thửa đất theo quy định tại điểm b, mục 3.6, phần I Thông tư số 29/2004/TT-BTNMT ngày 01/11/2004 của Bộ tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn lập, chính lý quản lý hồ sơ địa chính.

Thửa đất số thửa đất số 19, diện tích 10.766m² được đo tách từ thửa số 18, tờ bản đồ 79 và thửa đất số 01, tờ bản đồ số 82, bản đồ địa chính xã Y. Hồ sơ quản lý đất đai thể hiện: Thửa đất số 18 có ký hiệu trong sổ mục kê là “Hg/b” chủ sử dụng đất là “UBND xã Y quản lý”; thửa đất số 01 có ký hiệu trong sổ mục kê là “MN/Hg”, chủ sử dụng đất là UBND xã Y quản lý. Kết quả xác minh và trình bày của ông K thì: Năm 2006, ông K có đến khu vực đất tại Q để phát quang nhưng không canh tác được do đất thường xuyên bị ngập nước. Đến năm 2018, sau khi UBND huyện L ban hành thông báo số 158/TB-UBND thì ông K mới tiến hành trồng chuối trên diện tích đất này. Ông K không có quá trình sử dụng đất trước thời điểm được cấp giấy CNQSD đất và không phải là chủ sử dụng đất trong hồ sơ địa chính (chủ sử dụng đất là UBND xã Y) do đó việc cấp giấy CNQSD đất cho hộ ông K là không đúng đối tượng, đất đang do UBND xã Y quản lý.

Mặt khác qua xác minh cho thấy ông V có sử dụng một phần diện tích đất thuộc thửa đất số 19, tờ bản đồ số 79 để làm ao và trồng cây lâu năm từ năm 2006 đến nay, UBND xã Y đã xử lý hành vi vi phạm của ông H nhưng chưa dứt điểm, do đó việc cấp giấy CNQSD đất cho hộ ông K là không đúng diện tích thực tế sử dụng. Như vậy hộ ông K không đủ điều kiện để được cấp Giấy CNQSD đất thửa đất số 19, tờ bản đồ 79, bản đồ địa chính xã Y theo quy định

tại khoản 2 Điều 48 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ.

Về trình tự thủ tục thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông K. Sau khi tiếp nhận phản ánh của một số công dân, UBND huyện đã giao cho phòng tài nguyên và môi trường huyện kiểm tra, rà soát việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông K. Ngày 29/11/2018, Phòng tài nguyên và môi trường có báo cáo số 44/BC-TNMT về kết quả kiểm tra, rà soát việc cấp giấy CNQSD đất cho hộ ông K trong đó khẳng định việc cấp giấy là không đúng quy định, không đủ điều kiện được cấp, không đúng đối tượng, không đúng diện tích. Từ kết quả thẩm tra và căn cứ trên, Chủ tịch UBND tỉnh S khẳng định Quyết định số 1570/QĐ-UBND ngày 16/8/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh S về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông K là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Chủ tịch UBND tỉnh S đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của ông K.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh S:

Qua kiểm tra xét xét hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông K vào năm 2007 là chưa đảm bảo về trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên ngày 15/3/2019 UBND huyện L đã ban hành Quyết định số 1022/QĐ-UBND về việc thu hồi và hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông K. Do đó việc ông K yêu cầu hủy Quyết định số 1570/QĐ-UBND ngày 16/8/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh S về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông K là không có căn cứ để chấp nhận, đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của ông K.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông V trình bày: Vào năm 2016, khi biết việc UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông K chồng lên đất của ông, ông H đã làm đơn kiện lên UBND huyện L, sau đó Chủ tịch UBND huyện L đã ban hành Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông K. Ông đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông K vì không có căn cứ.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2020/HC-ST ngày 05 tháng 5 năm 2019, Tòa án nhân dân tỉnh S đã quyết định:

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 157, 158, 206, khoản 1 Điều 348 của Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số: 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Căn cứ khoản 2 Điều 21, Điều 28, Điều 29, Điều 30, Điều 31 Luật Khiếu nại năm 2011; Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, 14, 15, khoản 1 Điều 32 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bác yêu cầu khởi kiện của ông K về yêu cầu hủy Quyết định số 1570/QĐ-UBND, ngày 16/8/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh S về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông K, trú tại thôn K11, xã Y, huyện L, tỉnh S (lần hai) vì không có căn cứ pháp luật.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 29/5/2020, người khởi kiện làm đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông K và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trình bày giữ nguyên kháng cáo, đề nghị sửa bản án sơ thẩm, hủy quyết định 1570/QĐ-UBND, ngày 16/8/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh S với lý do: Ông K khai hoang và sử dụng đất từ 2006, đã được UBND xã xác nhận; đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc ông H cho rằng đất có tranh chấp, UBND đã cấp trùng với diện tích 1440 m² là không có cơ sở. Hiện tại ông H đã rút đơn khởi kiện vụ án dân sự tranh chấp đất và Tòa án đã đình chỉ xét xử, do việc ra Thông báo và quyết định thu hồi đất của ông K dựa trên cơ sở đơn thư của ông H, nay ông H rút đơn nên UBND ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông K là không có cơ sở. Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông K được Nghị định 84/2007 điều chỉnh, theo đó “bãi bỏ các quy định tại khoản 2 Điều 48 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004” trong khi đó phần xác minh nội dung khiếu nại của Quyết định 1570 ghi “ Giấy CNQDD của hộ ông K không đủ điều kiện được cấp theo quy định tại khoản 2 Điều 48 Nghị định 181 là vi phạm; Nội dung thông báo số 158/TB-UBND ngày 30/11/2018 và việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông K là không đúng. Ngoài ra, thửa đất còn liên quan đến công ty TNHH W, trước khi được thuê đất, công ty trên đã tự vào khai thác và có tranh chấp với ông K và ông H. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông K từ năm 2007 là đúng; đề nghị hủy Quyết định 1570 là không có căn cứ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện giữ nguyên quan điểm đã trình bày tại quá trình xét xử sơ thẩm, khẳng định Quyết định số 1570/QĐ-UBND, ngày 16/8/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh S về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông K và việc Thu hồi hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đều đúng quy định nên đề nghị bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan, ông V trình bày: Thời điểm năm 2006 đã có tranh chấp đất với ông K, chưa được giải quyết dứt điểm đã cấp Giấy chứng nhận cho ông K; ông có khởi kiện nhưng rút đơn vì Giấy chứng nhận cấp cho ông K đã bị hủy bỏ; Thửa 19 hiện có ba hộ cùng sử dụng nên việc xác định ranh giới của các hộ liền kề là cần thiết, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi phân tích các nội dung liên quan đến kháng cáo, cho rằng kháng cáo không có căn cứ để chấp nhận nên đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông K yêu cầu hủy Quyết định số 1570/QĐ-UBND, ngày 16/8/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh S (Quyết định 1570), Tòa án cấp sơ thẩm xác định Quyết định 1570 là đối tượng khởi kiện đồng thời xem xét các quyết định hành chính có liên quan là phù hợp các quy định tại khoản 1 Điều 30; khoản 3 Điều 32 Luật tố tụng hành chính.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện, người có quyền và nghĩa vụ liên quan có đơn xin xử vắng mặt nên việc xét xử đảm bảo quy định tại Điều 225 Luật tố tụng hành chính.

[2] Xét kháng cáo:

[2.1] Đối với nguồn gốc thửa đất số 19, tờ bản đồ số 79 ông K được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2007:

Từ trước năm 1993, khu đất Q (trong đó có thửa đất số 19, tờ bản đồ địa chính số 79) thường xuyên bị ngập nước, không canh tác được, một số hộ đã tận dụng các vị trí đất bằng xen kẽ để canh tác trồng lúa, màu. Trước thời điểm ông K được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2007, đã có một số hộ dân (ông Q1, ông Q2, ông Q3) tận dụng để canh tác, bao gồm một phần thửa đất và một vị trí cạnh thửa đất ông K được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tuy nhiên việc canh tác của các hộ này không liên tục (vì thửa đất bị ngập nước). Năm 2002-2004, UBND xã Y được đo vẽ, thành lập bản đồ địa chính thì hiện trạng thửa đất số 19, tờ bản đồ số 79 là đất mặt nước chưa sử dụng, không có ai canh tác. Khu đất đó do UBND xã Y kê khai chủ quản lý sử dụng.

Năm 2006, ông Q4, ông K đến thuê ông Hà Văn Tô (người xã Y), ông Q3 và ông Q2 đến phát cây cối tại khu vực thửa đất này. Ông Q2 cho biết tiền công phát là do ông Q3 chi trả cho các hộ phát, không phải ông K. Cũng trong năm 2006, ông V thấy các hộ đến phát quang đã tiến hành mướm đất làm ao. Hiện ông V vẫn đang sử dụng, UBND xã đã tiến hành đình chỉ hành vi lấn chiếm đất đai trái phép, xử phạt vi phạm hành chính đối với ông H tuy nhiên việc xử lý không được giải quyết dứt điểm. Năm 2007, ông K làm thủ tục đo đạc lập hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau đó đã được UBND huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 19, tờ bản đồ số 79, diện tích 10.766m², mục đích sử dụng đất trồng cây hàng năm.

Như vậy, không có căn cứ về việc ông K người khai hoang, ông K không sử dụng diện tích đất từ trước và kể cả sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 19, tờ bản đồ địa chính số 79.

[2.2]. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông K thừa nhận quá trình sử dụng diện tích đất tại thửa số 19, ông chỉ phát quang chứ không canh tác gì từ năm 2006 cho đến 2018 (thời điểm đã được thông báo về việc thu hồi đất) mới trồng chuối; quá trình cấp giấy CNQSD đất cũng không có tài liệu thể hiện về quá trình sử dụng đất trước thời điểm được cấp Giấy Chứng nhận của ông K.

Quá trình đo vẽ lập bản đồ địa chính từ 2004 thể hiện chủ sử dụng đất là UBND xã Y (thửa đất này không thể hiện trên bản đồ địa chính mà thuộc một phần thửa đất số 18, tờ bản đồ địa chính số 79, diện tích 20.409m²); mục đích sử dụng “MN/Hg” đất có mặt nước chưa sử dụng và một phần thửa đất số 01, tờ bản đồ địa chính số 82, diện tích 6.537m², mục đích sử dụng “MN/Hg” đất có mặt nước chưa sử dụng. Sổ mục kê lập năm 2004 thể hiện thửa đất số 18, tờ bản đồ địa chính số 79 thể hiện với tên chủ sử dụng đất là “UBND xã Y quản lý”. Theo Sơ họa mốc giới thửa đất thể hiện phía nam: Đất ao, tranh chấp, tuy nhiên biên bản xác định ranh giới mốc giới thửa đất lập ngày 17/4/2007 không có ý kiến của các chủ sử dụng đất liền kề để xác định ranh giới mốc giới thửa đất theo quy định tại điểm b, mục 3.6, phần I Thông tư số 29/2004/TT-BTNMT ngày 01/11/2004 của Bộ tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn lập, chính lý quản lý hồ sơ địa chính.

Tại đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Ủy ban nhân dân xã không xác nhận thời điểm sử dụng đất của ông K.

Như vậy, xem xét nguồn gốc, quá trình sử dụng đất, đối chiếu với các tài liệu quản lý đất đai thì ông K không đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[2.3] Trên cơ sở Báo cáo ngày 29/11/2018 của Phòng tài nguyên và môi trường huyện L về kết quả rà soát hồ sơ cấp giấy chứng nhận QSD đất cho ông K là không đủ điều kiện được cấp, cấp không đúng đối tượng, không đúng diện tích thuộc trường hợp phải thu hồi nên ngày 30/11/2018, UBND huyện L, tỉnh S ban hành thông báo số 158/TB-UBND, thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông K, theo đó ban hành Quyết định số 1022/QĐ-UBND Ngày 15/3/2019 của UBND huyện L về việc thu hồi và hủy bỏ Giấy CNQSD đất đã cấp cho hộ ông K là phù hợp quy định tại điểm d, khoản 2, Điều 106 Luật đất đai năm 2013.

[2.4] Quá trình sử dụng đất từ năm 2007 đến 2018, hộ ông K không canh tác sử dụng đối với thửa đất số 19, tờ bản đồ số 79. Sau khi UBND huyện ban hành Thông báo số 158/TB-UBND ngày 30/11/2018 về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông K mới trồng một số cây chuối trên một phần diện tích thửa đất.

Mặc dù người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông K chỉ ra một số sai sót, vi phạm trong quá trình giải quyết khiếu nại (như việc giải quyết khiếu nại không

đảm bảo thời hạn quy định tại Điều 28 của Luật khiếu nại năm 2011; quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu QĐ số 437/QĐ-UB-UBND ngày 01/01/2019 của chủ tịch UBND huyện L chỉ dẫn “nếu không nhất trí thì khởi kiện ra TAND huyện L” là không đúng thẩm quyền;...) tuy nhiên những sai sót trên không làm thay đổi nội dung thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên không hủy quyết định hành chính nhưng cơ quan có thẩm quyền cần rút kinh nghiệm.

[3] Từ những phân tích trên cho thấy, diện tích thửa đất số 19, tờ bản đồ số 79 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông K đã được Ủy ban nhân dân xã Y quản lý từ năm 2004; ông K trình bày đã đến thửa đất phát quang sử dụng từ năm 2006 nhưng không có tài liệu, chứng minh, đồng thời ông K cũng xác nhận diện tích trên ông không sử dụng vào canh tác do thường xuyên ngập nước. Đến năm 2018, sau khi nhận được thông báo thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông K mới trồng chuối.

Như vậy, ông K không phải là chủ sử dụng đất trong hồ sơ địa chính, không có quá trình sử dụng đất trước thời điểm được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Ủy ban nhân dân huyện L đối chiếu với các quy định pháp luật và xác định việc Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông K là không đảm bảo quy định nên thu hồi và hủy bỏ Giấy chứng nhận là có căn cứ. Nội dung Quyết định số 1570/QĐ-UBND, ngày 16/8/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh S về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông K là đúng quy định của pháp luật nên không Tòa án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông K là có căn cứ, cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4]. Về án phí: Do ông K là người cao tuổi nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính; Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Bác kháng cáo của ông K và giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2020/HC-ST ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh S

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông K được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh S;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND tỉnh S;
- Cục THADS tỉnh S;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: P.HCTP-VP; hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Thanh Xuân

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Văn Hạnh

Lê Thị Mai

Nguyễn Thị Thanh Xuân